

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 294/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Mai Vũ Lan A, sinh năm 1994, địa chỉ: Số A đường B, khu phố C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1990, địa chỉ: Số E đường F, khu phố G, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 128/2018 của Ủy ban nhân dân phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 20 tháng 10 năm 2018, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Mai Vũ Lan A và ông Nguyễn Phi Đ được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Theo đơn yêu cầu đề ngày 02/02/2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/02/2026, bà Mai Vũ Lan A và ông Nguyễn Phi Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Không có; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/02/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Vũ Lan A và ông Nguyễn Phi Đ thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 128/2018 của Ủy ban nhân dân phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 20 tháng 10 năm 2018 hết hiệu lực).

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Mai Vũ Lan A và ông Nguyễn Phi Đ phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010601 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Tuyết Mai